

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2020/DS-PT  
Ngày 31- 8 - 2020  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Lê Kiều

*Các Thẩm phán:*

Ông Lê Thanh Hùng

Ông Trương Thanh Dũng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ca Kiều Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:**  
Bà Huỳnh Thị Hồng Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 62/2020/TLPT-DS ngày 25 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 73/2020/QĐ-PT ngày 22 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Tạ Thị Kim T, sinh năm 1961; địa chỉ: Số 459 ấp Cái D, thị trấn Châu H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn T1, sinh năm 1960 (vắng mặt) và bà Trịnh Mỹ T2 (Trịnh Thị Mỹ T2), sinh năm 1962 (có mặt); cùng địa chỉ: Ấp Mặc Đ, thị trấn Châu H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phạm N, sinh năm 1957; địa chỉ: Số 459 ấp Cái D, thị trấn Châu H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

2. Anh Lâm Văn T (Lâm Sơn D), sinh năm 1979 (vắng mặt)

3. Chị Trần Ngọc T, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Cây G, xã Vĩnh H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Trịnh Mỹ T2 (Trịnh Thị Mỹ T2).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn bà Tạ Thị Kim T trình bày:* Vào ngày 20 tháng 10 năm 2016 vợ chồng ông Trần Văn T1 và bà Trịnh Mỹ T2 có đến nhà bà Tạ Thị Kim T vay số tiền 35.000.000 đồng. Khi vay hai bên không làm biên nhận và không thỏa thuận lãi suất do bà T2 nói chỉ vay một tuần sau trả. Số tiền vay nhằm để đáo hạn khoản nợ vay tại Ngân hàng. Nhưng hết thời hạn trả, vợ chồng bà T2 không trả. Khoảng hơn hai tháng sau khi vay, bà T cùng chồng của bà T là ông Phạm N đến nhà của bà T2 để yêu cầu bà T2, ông T1 trả nợ nhưng không trả nên bà T2 đã ký biên nhận nợ với số tiền 35.000.000 đồng với lãi suất 3%/tháng và không thỏa thuận thời hạn trả. Nhưng sau đó bà T2, ông T1 vẫn không đóng lãi và không trả tiền gốc. Nay bà T yêu cầu ông T1, bà T2 trả số tiền gốc 35.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 20/10/2016 đến ngày 20/12/2019, với lãi suất 1.66%/tháng là 49.560.000 đồng và tiền lãi đến ngày xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa, bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện về lãi suất, bà T yêu cầu tiền lãi tính từ ngày 20/10/2016 đến khi xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất quy định của pháp luật.

*Bị đơn Trịnh Mỹ T2 trình bày:* Bà T2 có vay tiền của bà T nhiều lần vào năm nào không nhớ, nhưng bà nhớ vay 03 lần, lần 01 vay 10.000.000 đồng, lần 02 vay 15.000.000 đồng, lần 03 vay 17.000.000 đồng, tổng số tiền vay 42.000.000 đồng. Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất 4%/tháng và không làm biên nhận. Bà T2 đã trả được 02 năm tiền lãi nhưng không nhớ đóng bao nhiêu tiền và thời gian nào, do khi trả lãi không làm giấy tờ. Tiền gốc đã trả được hai lần, lần 01 trả 8.000.000 đồng, lần 02 trả 6.000.000 đồng, tổng cộng 14.000.000 đồng, khi trả tiền gốc không làm biên nhận và cũng không nhớ đóng vào thời gian nào. Sau đó, vợ chồng bà T đến nhà kêu bà T2 ký biên nhận tiền, do không biết nhiều chữ nên khi ký không xem nội dung biên nhận, bà T2 thừa nhận chữ ký trong biên nhận là của bà T2 nhưng bà T2 không có vay và nợ số tiền 35.000.000 đồng. Bà T2 không đồng ý trả cho bà T số tiền gốc 35.000.000 đồng, bà T2 chỉ đồng ý trả số tiền 28.000.000 đồng. Bà T2 không đồng ý đóng tiền lãi của bà T do đã đóng lãi quá nhiều cho bà T. Ngoài ra, khoản nợ vay của bà T thì ông T1 chồng của bà không biết nên không đồng ý ông T1 cùng bà T2 trả nợ cho bà T vì đây là nợ riêng của bà T2 do tiền vay bà T2 vay dùm cho con của bà T2 là anh Lâm Văn T, chị Trần Ngọc T.

Bị đơn anh Trần Văn T1, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa xét xử, ông T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để trình bày ý kiến, nên Tòa án không có lời khai của ông T1.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm N trình bày:* Ông là chồng của bà T, thống nhất lời trình bày và yêu cầu của bà T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lâm Văn T và chị Trần Ngọc T, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa xét xử, anh T và chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để trình bày ý kiến nên Tòa án không có lời khai của anh T và chị T.

Từ những nội dung trên, tại Bản án sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị Kim T đối với ông Trần Văn T1 và bà Trịnh Mỹ T2 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc ông Trần Văn T1 và bà Trịnh Mỹ T2 cùng có nghĩa vụ thanh toán cho bà Tạ Thị Kim T và ông Phạm N số tiền nợ gốc, lãi 46.217.500 đồng, trong đó nợ gốc 35.000.000 đồng, tiền lãi 7.217.500 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí; lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020, bị đơn bà Trịnh Mỹ T2 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trịnh Mỹ T2, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 12/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Xét đơn kháng cáo của Trịnh Mỹ T2 nộp trong hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định. Căn cứ vào Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Xét thấy kháng cáo của bà Trịnh Mỹ T2 yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm xét xử lại, bà đồng ý trả cho bà T số tiền vay 28.000.000 đồng, không đồng ý trả theo bản án sơ thẩm đã tuyên. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4] Nguyên đơn bà Tạ Thị Kim T yêu cầu ông Trần Văn T1 và bà Trịnh Mỹ T2 thanh toán cho bà số tiền nợ gốc 35.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu của mình, bà T cung cấp “Biên nhận ngày 20/10/2016” với nội dung bà T2 vay mượn số tiền 35.000.000 đồng có chữ ký “T2”. Bà T2 thừa nhận có vay tiền của bà T, số tiền còn nợ bà T 28.000.000 đồng, chứ không phải 35.000.000 đồng như khởi kiện của bà T. Tuy nhiên, bà T2 thừa nhận chữ ký trong Biên nhận ngày 20/10/2016 là chữ ký của bà. Nội dung biên nhận thể hiện bà T2 vay bà T số tiền 35.000.000 đồng, nên có cơ sở xác định bà T2 có vay tiền của bà T 35.000.000 đồng. Việc bà T2 thừa nhận đã trả cho bà T 14.000.000 đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xem xét. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà T2 còn nợ bà T số tiền gốc 35.000.000 đồng là có căn cứ.

[5] Về tiền lãi, theo “Biên nhận ngày 20/10/2016” thể hiện lãi suất hai bên thỏa thuận và không xác định thời hạn trả nợ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005 “Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào nhưng phải báo trước cho bên vay một khoản thời gian hợp lý và được trả lãi đến thời điểm nhận lại tài sản”. Do đó, bà T2 phải có trách nhiệm trả tiền lãi đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán là có căn cứ, nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà T về tiền lãi của số tiền nợ gốc 35.000.000 đồng là có căn cứ.

[6] Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bà T thống nhất không yêu cầu bà T2 trả lãi. Xét thấy, việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, nên được Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của các bên. Như vậy, vợ chồng bà T2 chỉ có nghĩa vụ trả nợ gốc cho bà T, ông N số tiền 35.000.000 đồng. Bà T2, ông T1 không phải trả lãi cho bà T, ông N số tiền 7.217.500 đồng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà T2, ông T1 không phải trả lãi cho bà T, ông N, nên án phí dân sự sơ thẩm bà T2, ông T1 phải chịu 1.750.000 đồng ( $35.000.000 \times 5\% = 1.750.000$  đồng).

[8] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trịnh Mỹ T2 và đề nghị của Kiểm sát viên; sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

[9] Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị được giữ nguyên và đã có hiệu lực pháp luật.

[10] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trịnh Mỹ T2 phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228, Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 471, 474, 476, 477 Bộ luật Dân sự 2005; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26, khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Trịnh Mỹ T2; sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 12/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự tự nguyện của bà Tạ Thị Kim T đối với bà Trịnh Mỹ T2 về việc không yêu cầu bà Trịnh Mỹ T2 và ông Trần Văn T1 trả số tiền lãi 7.217.500 đồng.

2. Buộc ông Trần Văn T1 và bà Trịnh Mỹ T2 thanh toán cho bà Tạ Thị Kim T và ông Phạm N số tiền nợ gốc 35.000.000 đồng

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn T1 và bà Trịnh Mỹ T2 phải chịu 1.750.000 đồng. Bà Thị Kim T không phải chịu, bà T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.239.000 đồng theo Biên lai thu số 0005099 ngày 20 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V được hoàn lại đủ.

3.2 Án phí phúc thẩm: Bà Trịnh Mỹ T2 phải chịu 300.000 đồng. Bà T2 đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0005340 ngày 20/5/2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

4. Kể từ ngày Bản án, Quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

5. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- Đương sự;
- Lưu Tổ HCTP, hồ sơ vụ án.

*(Đã ký tên và đóng dấu)*

**Nguyễn Lệ Kiều**